

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2024/DS-ST**.
Ngày: 08/04/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lương Văn S**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phan Thành L** - Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn Cẩn thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Hoàng A**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 1A, khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 1A, khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Lương Văn S trình bày:

Trước đây, Lê Hoàng A có thuê đất của ông canh tác nên có quen biết nhau, đến năm 2021 Lê Hoàng A có vay tiền của ông nhiều lần cụ thể: Ngày 21/10/2021 vay 20.000.000đồng; ngày 24/10/2021 vay tiếp 10.000.000đồng, cùng lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Đến ngày 10/4/2022 vay tiếp 30.000.000đồng; ngày 14/4/2022 vay tiếp 50.000.000đồng và ngày 20/4/2022 vay tiếp 30.000.000đồng, cùng lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Tổng cộng gốc là 140.000.000đồng, việc vay tiền có làm biên nhận nợ do Lê Hoàng A ký tên. Đến ngày 20/9/2022 hai bên tổng kết nợ và làm giấy kết nợ với nhau với tổng số tiền là 140.000.000đồng gốc và 42.000.000đồng tiền lãi. Do Hoàng A không trả số tiền trên mặc dù ông đã gặp và nhiều lần nhắc nhở.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Lê Hoàng A phải trả cho ông số tiền vay gốc 140.000.000đồng và tiền lãi 42.000.000đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 182.000.000đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2023 bị đơn ông Lê Hoàng A trình bày:

Ông Lê Hoàng A thừa nhận có vay tiền của ông Lương Văn S nhiều lần nhưng ông không nhớ cụ thể là bao nhiêu tiền. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, ông chưa đóng lãi, cũng như chưa trả số tiền vay gốc của ông S. Ông thừa nhận biên nhận vay số tiền 42.000.000 đồng đúng là do ông ký. Tuy nhiên, biên nhận của khoản nợ 140.000.000đồng ông không xác định được có phải là chữ ký của ông hay không, nhưng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông trong biên nhận 140.000.000đồng, số tiền này ông vay của ông S để tiêu xài cá nhân. Hiện nay do ông đã bẻ nợ nên không có tiền trả cho ông S. Vì vậy, ông miễn tiền lãi và xin trả mỗi tháng 5.000.000đồng cho ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L:

Trước đây, bà Hoàng Thị L và ông Lê Hoàng A là quan hệ vợ chồng nhưng đã ly hôn vào ngày 29/9/2023. Năm 2020 bà bị bệnh phải điều trị lâu dài tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang nên ở nhà ông Lê Hoàng A có vay tiền của ông S hay không thì bà không biết và ông Hoàng A có vay tiền cũng không dùng để làm ăn phục vụ kinh tế gia đình nên đối với số nợ của ông S thì bà không đồng ý.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng ông Lê Hoàng A vẫn vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Hoàng A phải trả cho ông Lương Văn S số tiền vay gốc 140.000.000đồng và tiền lãi 42.000.000đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 182.000.000đồng.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Lương Văn S yêu cầu ông Lê Hoàng A phải trả cho ông số tiền vay còn nợ nên đây được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản mà bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Lê Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L có đơn xin vắng mặt và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Thành L. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*: Do quen biết nhau từ trước nên ông Lương Văn S cho ông Lê Hoàng A vay tiền nhiều lần cụ thể: Năm 2021: Ngày 21/10/2021 vay 20.000.000đồng; ngày 24/10/2021 vay 10.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; Năm 2022: Ngày 10/4/2022 vay 30.000.000đồng; ngày 14/4/2022 vay 50.000.000đồng và ngày 20/4/2022 vay 30.000.000đồng, cùng lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Đến ngày 20/9/2022 hai bên tổng kết nợ và làm giấy kết nợ với nhau với tổng số tiền là 140.000.000đồng gốc và 42.000.000đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Lê Hoàng A phải trả cho ông số tiền vay gốc 140.000.000đồng và tiền lãi 42.000.000đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 182.000.000đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ đề ngày 21/10/2021, ngày 24/10/2021, ngày 10/4/2022, ngày 14/4/2022, ngày 20/4/2022 và ngày 20/9/2022 thể hiện số tiền của các lần ông Hoàng A vay tiền của ông S, dưới dòng chữ người vay tiền trong biên nhận còn có chữ ký, chữ viết họ tên “anh”, “Lê Hoàng A”. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2023 ông Lê Hoàng A thừa nhận có vay tiền của ông Lương Văn S và chưa trả tiền cho ông S. Tuy nhiên, ông Hoàng A không xác định được số nợ mà hiện nay ông còn nợ của ông S nhưng ông thừa nhận biên nhận nợ số tiền 42.000.000đồng đúng là chữ viết, chữ ký của ông. Hơn nữa, theo ông S cho biết số tiền 42.000.000đồng này là tiền lãi của tổng số tiền vay 140.000.000đồng gốc, điều này cho thấy, ông Hoàng A có vay tiền của ông S là có thật và số nợ vẫn chưa được trả. Đối với biên nhận nợ 140.000.000đồng, ông Hoàng A cho rằng ông không xác định được có phải là chữ ký của ông hay không, nhưng ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông trong biên nhận 140.000.000đồng. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho ông và ông S để đối chất làm rõ số nợ trên nhưng ông vẫn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản bác ý kiến của ông S. Việc ông Hoàng A khai rằng ông không xác định được chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ 140.000.000đồng có phải là chữ ký, chữ viết của ông hay không và không xác định được số tiền hiện còn nợ của ông S. Xét thấy đây chỉ là lời khai nại của ông Hoàng A nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn S, buộc bị đơn ông Lê Hoàng A phải trả cho ông S số tiền vay gốc là 140.000.000đồng.

[4] Đối với bà Hoàng Thị L; Theo bà L trình bày thì giữa bà và ông Lê Hoàng A đã ly hôn, khoản nợ mà ông Hoàng A vay của ông S thì bà không biết và ông Hoàng A cũng không dùng vào làm ăn, phục vụ kinh tế gia đình nên bà không đồng ý trả khoản nợ này; đồng thời, tại phiên tòa ông S cũng không yêu cầu bà L cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông S. Do đó, HĐXX miễn xét.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: Theo lời trình bày của cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất và tại biên nhận của các lần vay cũng ghi rõ mức lãi suất. Vì vậy, căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự thì bên vay tức là ông Lê Hoàng A phải chịu lãi suất theo quy định.

Thời gian tính lãi suất như sau; tính từ tháng 4/2022 cho đến tháng 4/2024 là 24 tháng: $140.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 55.776.000\text{đồng}$.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Lê Hoàng A phải trả 42.000.000đồng tiền lãi. HĐXX xét thấy việc giảm một phần tiền lãi cho bị đơn là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX ghi nhận.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi mà ông Lê Hoàng A phải trả cho ông Lương Văn S là 182.000.000đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*).

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận trong quá trình nghị án.

[7] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc ông Lê Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông S ($182.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.100.000\text{đồng}$).

Ông Lương Văn S không phải chịu án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn S.

Buộc ông Lê Hoàng A phải trả cho ông Lương Văn S số tiền 182.000.000đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông S có đơn yêu cầu thi hành án phía ông Hoàng A còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Về án phí DSST: Buộc ông Lê Hoàng A phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là 9.100.000đồng (*Chín triệu một trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Lương Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.550.000đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004306 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Diệp

